TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 399/2025/DS-ST
Ngày: 28 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Vân

2. Ông Nguyễn Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1089/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 1145/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT; Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 đường N, phường X (phường V, Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ nơi làm việc: Số 266-268 đường N, phường X (phường V, Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 2034/2024/UQ-TT.XLN ngày 05/11/2024).

Bị đơn: Ông Trần Vân S, sinh năm 1998; Địa chỉ: số 494/1/4 đường Lê Quang Định, phường Hạnh Thông (Phường 1, quận Gò Vấp cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 27/7/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) và Ông Trần Vân S ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ thu nhập của ông S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa số 472074-2649 ngày 27/7/2022 với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch từ ngày 10/8/2022 đến nay với tổng số tiền là 58,732,768 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông S phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 25 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23,019,546 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), ngày 11/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 57,750,090 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Tính đến ngày 28/8/2025, ông S còn nợ các khoản sau: nợ gốc là 57,750,090 đồng và lãi quá hạn là 27,345,224 đồng. Tổng cộng: 115,095,314 đồng.

Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Ông Trần Vân S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số nợ là 115,095,314 đồng bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc: 57,750,090; lãi quá hạn tính đến ngày 28/8/2025: 27,345,224 đồng.

- Ông Trần Vân S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. *Bị đơn – Ông Trần Vân S không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Ông S cư trú tại quận Gò Vấp (nay là phường Hạnh Thông), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông S nhưng ông S vắng mặt, ông S không nộp *(gửi)* cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/7/2022 và tóm tắt sao kê đối với thẻ số 472074-2649 ngày 28/8/2025 của Ngân hàng, Hội đồng

xét xử xét thấy Ngân hàng yêu ông S trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 115,095,314 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu ông S thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 29/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên Ngân hàng yêu cầu ông S trả nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc Ông Trần Vân S trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT tổng số nợ là 115,095,314 đồng (một trăm mười lăm triệu không trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm mười bốn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc là 57,750,090 (năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn không trăm chín mươi) đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 28/8/2025 là 27,345,224 (hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2025, ông S tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/7/2022 và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 2.104.660 (hai triệu một trăm lẽ bốn ngàn sáu trăm sáu mươi) đồng theo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0014787 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông S phải nộp số tiền án phí là 5,754,766 (năm triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm sáu mươi sáu) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên **Hội đồng xét xử**	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
	Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào